**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **6** | **0** | **2** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***30*** | ***5*** | ***10*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **35%** | | **25%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  - **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 6TN | 2TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **6TN** | **2TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***35*** | ***25*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc văn bản sau:**

**“THAM LAM” ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÁC CHÍNH LÀ NGUỒN GỐC**

**CỦA MỌI THÓI XẤU**

*Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.*

*Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.*

*Tham lam thường ngấm ngầm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.*

*Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.*

*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*

*Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.*

*Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.*

(Trích *Khuyến học*, Fukuzawa Yukichi, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Dân trí)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Ở văn bản trên, tác giả cho ta thấy những kẻ ôm ấp lòng tham có đem lại lợi ích cho xã hội không? (Biết)

A. Có

B. Không

**Câu 2:** Câu “*Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam”* có mấy phó từ? (Biết)

A. 1 phó từ

B. 2 phó từ

C. 3 phó từ

D. 4 phó từ

**Câu 3:** Câu *“Trên phạm vi quốc gia, những tai họa do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân”* có trạng ngữ không? (Biết)

A. Có

B. Không

**Câu 4:** Đoạn văn *“Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.”* sử dụng phép liên kết nào? (Biết)

A. Phép liên tưởng

B. Phép thế

C. Phép lặp

D. Phép nối

**Câu 5:** Câu *“Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc”* có mấy số từ? (Biết)

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 6:** Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện qua những đâu? (Biết)

1. Mưu mô, gian dối,lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật…

B.Thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát,...

C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.

D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

**Câu 7:** Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì? (Hiểu)

A. Bàn về lòng nhân ái

B. Bàn về tính trung thực

C. Bàn về lòng khiêm tốn

D. Bàn về *tính tham lam*

**Câu 8:**Trong đoạn văn *“Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.”*, tác giả đã dùng phép lập luận nào? (Hiểu)

A. Giải thích

B. Đối chiếu

C. So sánh

D. Phản đề

**Câu 9:** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân? (Vận dụng)

**Câu 10:** Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả *“Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân”* không? Vì sao? (Vận dụng).

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm. (Vận dụng cao)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS nêu được bài học phù hợp cho bản thân. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 2.5 |
|  | a. Nêu vấn đề  b. Triển khai vấn đề  - Thực trạng của vấn đề  - Nguyên nhân của vấn đề  - Tác hại của vấn đề  - Một số giải pháp  c. Kết thúc vấn đề |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |